

Số: /BSR-VPĐQT

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 04 năm 2023

V/v Công bố Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn
2. Mã chứng khoán: BSR
3. Địa chỉ trụ sở chính: số 208 Đại lộ Hùng Vương, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
4. Điện thoại: 0255 3825825 Fax: 0255 3825826
5. Người thực hiện công bố thông tin: ông Trần Thái Bảo - Người được ủy quyền công bố thông tin theo Giấy ủy quyền số 2080/BSR-VPĐQT ngày 10/04/2023. Chức vụ: Người phụ trách quản trị công ty kiêm Chánh văn phòng Hội đồng quản trị.
6. Loại thông tin công bố: 24 giờ Bất thường Định kỳ Theo yêu cầu
7. Nội dung thông tin công bố: Ngày 21/04/2023, Hội đồng quản trị BSR thông qua Nghị quyết số 2789/NQ-BSR về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của BSR vào ngày 21/04/2023 tại đường dẫn www.bsr.com.vn, chuyên mục Nhà đầu tư.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

Nơi nhận:

- Như trên (Công bố điện tử);
- HĐQT, BKS (để b/c);
- TGD (để b/c);
- Ban TCKT, KTKH, PCRR, KSNB;
- Lưu: VT, VPĐQT.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



Trần Thái Bảo



Số: /NQ-BSR

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Nghị quyết số 2676/NQ-BSR ngày 13/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn ban hành theo Quyết định số 2710/QĐ-BSR ngày 17/4/2023 của Hội đồng quản trị;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn ban hành theo Quyết định số 2710/QĐ-BSR ngày 17/4/2023 của Hội đồng quản trị;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 2705/TTr-BSR ngày 17/4/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của BSR,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao nhiệm vụ Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (BSR) cho Tổng Giám đốc với nội dung như các **Phụ lục** đính kèm.

Điều 2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo các Ban chức năng, Người đại diện của BSR tại các doanh nghiệp khác và đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện các công việc tiếp theo đúng các nội dung được phê duyệt tại **Điều 1**, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Ban Giám đốc Nhà máy, Người phụ trách quản trị Công ty, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chức năng trực thuộc Công ty và Người đại diện của BSR tại các doanh nghiệp khác chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCH Đảng bộ BSR (đề b/c);
- TV HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Ban GĐNM;
- Các Ban chức năng;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023 CỦA CÔNG CỔ PHẦN LỌC HÓA DẦU BÌNH SƠN

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/NQ-BSR ngày...../...../2023
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn)*

I. Nhiệm vụ

1. Tập trung vận hành Nhà máy lọc dầu (NMLD) Dung Quất an toàn, ổn định, liên tục ở công suất, cơ cấu sản phẩm tối ưu phù hợp với nhu cầu và tình hình thị trường, tối đa hoá hiệu quả sản xuất kinh doanh (SXKD) của BSR.
2. Rà soát giải pháp về quản trị rủi ro để tối ưu công tác bảo dưỡng lớn NMLD Dung Quất. Tính toán và có giải pháp để tạo ra sự khác biệt về mặt quản trị Nhà máy trong dài hạn. Nghiên cứu, tìm hiểu tình hình/thời điểm dừng vận hành để bảo dưỡng sửa chữa của các nhà máy lọc dầu khác trong khu vực, từ đó có các định hướng hợp lý trong kế hoạch triển khai TA5, cũng như cân đối công suất vận hành và cơ cấu sản phẩm sản xuất của NMLD Dung Quất, nhằm nắm bắt cơ hội tạo ra lợi nhuận tối ưu cho BSR.
3. Tiếp tục thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định về phòng chống dịch bệnh Covid-19 đã được Chính phủ, Bộ Y tế, các cơ quan Trung ương, địa phương và Tập đoàn ban hành. Thường xuyên cập nhật, dự báo diễn biến, chủ động phương án ứng phó hiệu quả với dịch bệnh Covid-19 và các dịch bệnh khác có thể xảy ra phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ, đặc thù hoạt động của đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.
4. Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá thông tin dự báo giá dầu thô và sản phẩm, chi phí vận chuyển/bảo hiểm, thông tin cung-cầu của thị trường trong nước và ngoài nước, tình hình dịch bệnh, rủi ro địa chính trị tại khu vực và quốc tế, v.v... để xây dựng và cập nhật các kịch bản, giải pháp điều hành SXKD phù hợp, linh hoạt và kịp thời nhằm tận dụng tối đa cơ hội và giảm thiểu rủi ro đến hoạt động SXKD của BSR.
5. Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm các loại nguyên liệu (dầu thô và/hoặc các cấu tử trung gian) mới để không ngừng mở rộng giỏ dầu thô cho Nhà máy, nâng cao sản lượng và hiệu quả SXKD.
6. Nghiên cứu, xem xét cơ hội hợp tác với các đối tác có năng lực để có các giải pháp phù hợp nhằm làm tốt và phát triển thị trường sản phẩm hóa dầu. Tính toán tăng khối lượng nhập các sản phẩm trung gian để gia tăng công suất các phân xưởng công nghệ của NMLD Dung Quất, tạo điều kiện gia tăng sản lượng cũng như hiệu quả sản xuất.
7. Thường xuyên nghiên cứu và tối ưu hóa: (i) cơ cấu sản phẩm phù hợp với đặc tính của các hỗn hợp dầu thô chế biến, nhu cầu thị trường và công suất vận hành của các phân xưởng; (ii) tiêu thụ HPXT, vật tư tiêu hao, vật tư phụ tùng thay thế (spare parts), v.v... (gắn liền với công tác kiểm soát và cập nhật bộ định mức); (iii) năng lượng, tổn thất và mất mát, v.v... để góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.



8. Triển khai các bước tiếp theo của Dự án NCMR NMLD Dung Quất (Dự án điều chỉnh) phù hợp với các quy định hiện hành ngay sau khi được cấp thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án, đảm bảo tiến độ và hiệu quả Dự án.
9. Hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hoá của BSR ngay sau khi được cấp thẩm quyền chấp thuận.
10. Khẩn trương hoàn thiện Chiến lược phát triển BSR đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, trong đó tập trung rà soát kỹ danh mục đầu tư, từ đó có các phương án cân đối vốn chủ sở hữu và quản trị dòng tiền hiệu quả.
11. Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số nhằm thúc đẩy các định hướng của BSR theo chiến lược phát triển Công ty, quản trị rủi ro, mô hình sản xuất thông minh và đảm bảo hiệu quả các nghiệp vụ cốt lõi của doanh nghiệp, cải tiến, biến đổi hoạt động của doanh nghiệp bằng cách tạo ra các quy trình kinh doanh mới, trải nghiệm khách hàng, văn hóa số và văn hóa Công ty.
12. Triển khai công tác an sinh xã hội phù hợp với điều kiện hoạt động SXKD.
13. Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại Nhà máy.
14. Thực hiện các công việc khác được Tập đoàn, Đại hội đồng cổ đông giao.

II. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023

1. Chỉ tiêu sản lượng sản xuất và tiêu thụ

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
1	Polypropylene	Tấn	135.106
2	LPG	Tấn	396.532
3	Xăng E5 RON 92	Tấn	38.270
4	Xăng RON 91/92	Tấn	788.786
5	Xăng RON 95	Tấn	1.382.587
6	Jet A1	Tấn	428.020
7	Diesel Oil	Tấn	2.362.009
8	Fuel Oil/ Marine Fuel Oil	Tấn	91.373
9	Lưu huỳnh	Tấn	2.052
	TỔNG	Tấn	5.624.734

2. Kế hoạch tài chính toàn Công ty (Hợp nhất)

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95.644,8
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.820,6
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.628,4

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	9.825,3
5	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Tỷ đồng/người/tháng	4,22

3. Kế hoạch Công ty mẹ

a) Kế hoạch tài chính

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	51.384,6
+	<i>Trong đó: -Vốn điều lệ cuối kỳ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>31.005,0</i>
+	<i>Tỷ lệ tham gia của Tập đoàn</i>	<i>%</i>	<i>92,12%</i>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95.370,8
3	Lợi nhuận trước thuế (*)	Tỷ đồng	1.912,7
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.721,5
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	%	3,4%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	5,6%
7	Hệ số nợ/vốn điều lệ	Lần	<3
8	Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ	%	3%
	- Chia cổ tức	Tỷ đồng	930,1
9	Cổ tức/ lợi nhuận nộp Tập đoàn	Tỷ đồng	856,9
10	Chia cổ tức cho cổ đông khác	Tỷ đồng	73,3
11	Nộp NSNN	Tỷ đồng	9.812,8

Ghi chú:

- Kế hoạch tài chính nêu trên được lập theo phương án giá dầu là 70 USD/thùng.
- (*): Lợi nhuận trước thuế chưa tính đến tác động của hàng tồn kho.

b) Kế hoạch vốn đầu tư

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
1	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	1.622,5
1.1	Đầu tư XD CB	Tỷ đồng	1.043,8
-	Dự án NCMR NMLD Dung Quất	Tỷ đồng	954,8
-	Các dự án khác	Tỷ đồng	89,0
	+ Dự án thực hiện trong năm	Tỷ đồng	47,9

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
	+ Dự án chuẩn bị đầu tư	Tỷ đồng	41,2
1.2	Mua sắm TTB & TSCĐ	Tỷ đồng	578,6
-	Các hạng mục chuyển tiếp	Tỷ đồng	368,9
-	Các hạng mục mua sắm mới trong năm 2023	Tỷ đồng	182,2
-	Dự phòng	Tỷ đồng	27,6
2	Nguồn vốn	Tỷ đồng	1.622,5
-	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.622,5
-	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-

Ghi chú:

- Tổng Giám đốc thường xuyên thường xuyên rà soát/đánh giá, sắp xếp các hạng mục đầu tư XDCB và mua sắm TTB&TSCĐ theo thứ tự ưu tiên cấp thiết. Xây dựng phương án cân đối vốn cụ thể cho từng hạng mục đầu tư XDCB và mua sắm TTB&TSCĐ, đảm bảo triển khai công tác đầu tư XDCB và mua sắm TTB&TSCĐ theo khả năng tài chính của Công ty, đảm bảo tuân thủ quy định, pháp luật.
- Chỉ thực hiện đầu tư XDCB và mua sắm TTB&TSCĐ sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục theo quy định của Nhà nước, pháp luật. Chịu trách nhiệm về hiệu quả, tiến độ thực hiện đầu tư, sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn.

4. Kế hoạch giá thành

Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
I	Giá thành xuất xưởng		
1	Polypropylene	Triệu đồng/tấn	29,02
2	LPG	Triệu đồng/tấn	14,18
3	Xăng E5 RON 92	Triệu đồng/tấn	17,76
4	Xăng RON 91/92	Triệu đồng/tấn	17,38
5	Xăng RON 95	Triệu đồng/tấn	17,68
6	Jet A1	Triệu đồng/tấn	15,62
7	Diesel Oil	Triệu đồng/tấn	14,83
8	Fuel Oil	Triệu đồng/tấn	9,80
II	Giá thành tiêu thụ (bao gồm cả chi phí bán hàng và chi phí quản lý)		
1	Polypropylene	Triệu đồng/tấn	29,34
2	LPG	Triệu đồng/tấn	14,42
3	Xăng E5 RON 92	Triệu đồng/tấn	18,00

Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
4	Xăng RON 91/92	Triệu đồng/tấn	17,62
5	Xăng RON 95	Triệu đồng/tấn	17,91
6	Jet A1	Triệu đồng/tấn	15,89
7	Diesel Oil	Triệu đồng/tấn	15,07
8	Fuel Oil	Triệu đồng/tấn	9,97

